

HƯỚNG DẪN KÍCH HOẠT SỬ DỤNG SỔ SỨC KHOẺ ĐIỆN TỬ TRÊN ỨNG DỤNG VNEID

Điều kiện cần thiết: Công dân đã có tài khoản định danh điện tử mức độ 2, có điện thoại thông minh đã cài đặt ứng dụng VNeID và **đã tích hợp** thẻ Bảo hiểm y tế (BHYT) vào VNeID.

Bước 1: Đăng nhập ứng dụng VNeID, tại màn hình định danh mức 2, nhấn vào mục **Hồ sơ sức khỏe**

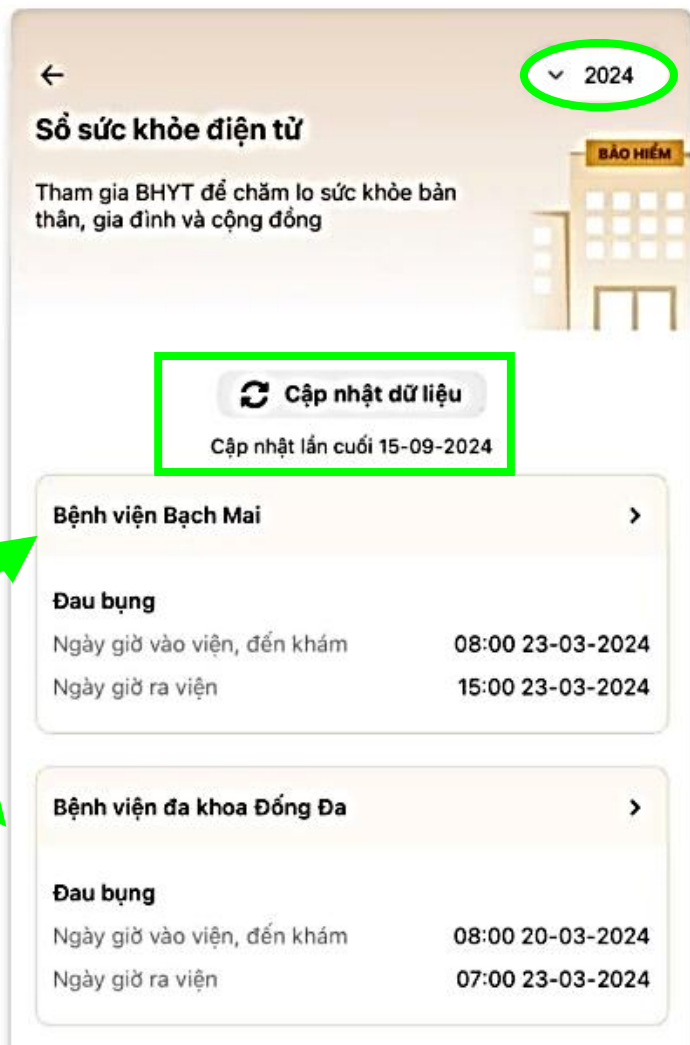


Bước 2: Nhấn **Sổ sức khỏe điện tử**



Bước 3: Nhập passcode, xem thông tin Sổ sức khỏe điện tử, thao tác theo thứ tự như sau:

1. Nhấn **Cập nhật dữ liệu** để **kích hoạt, cập nhật dữ liệu lịch sử khám, chữa bệnh vào Sổ sức khỏe điện tử**
2. Chọn **năm** để thực hiện tìm kiếm dữ liệu khám, chữa bệnh theo năm.
3. **Bấm xem dữ liệu** các lần khám, chữa bệnh BHYT.



Bước 4: Xem các thông tin hành chính

← **Thông tin hành chính**

Thông tin định danh

| | |
|------------------------------------|------------------|
| Họ và tên | Đoàn Thanh Trọng |
| Ngày tháng năm sinh | 0 / / |
| Giới tính | Nam |
| Dân tộc | - |
| Nghề nghiệp | - |
| Số định danh cá nhân | 083 / |
| Mã số thẻ BHYT | CH4 / |
| Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu | / |
| Số điện thoại | / |

Địa chỉ nơi cư trú

Nơi ở hiện tại: /
Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Thông tin người giám hộ, người chăm sóc chính, người đại diện (nếu có)

| | |
|-------------------------------------|---|
| Họ và tên | - |
| Mối quan hệ | - |
| Số định danh công dân, thẻ căn cước | - |

Bước 5: Tiếp tục xem các thông tin:

- Nhấn **Thông tin đợt khám, chữa bệnh** để xem thông tin đợt khám, chữa bệnh.
- Nhấn **Chẩn đoán xác định khi ra viện** để xem thông tin chẩn đoán xác định khi ra viện.
- Nhấn **Kết quả cận lâm sàng, chỉ số theo dõi có giá trị** để xem thông tin kết quả cận lâm sàng, chỉ số theo dõi có giá trị.
- Nhấn **Thuốc đã điều trị, đơn đã kê** để xem thông tin thuốc đã điều trị, đơn đã kê.
- Nhấn **Phẫu thuật, thủ thuật đã thực hiện** để xem thông tin phẫu thuật, thủ thuật đã thực hiện.
- Nhấn **Tóm tắt hồ sơ bệnh án, tình trạng người bệnh** để xem thông tin tóm tắt hồ sơ bệnh án, tình trạng người bệnh.

| | |
|--|---|
| Mối quan hệ | - |
| Số định danh công dân, thẻ căn cước | - |
| Số điện thoại liên hệ của người đại diện | - |

→ **Thông tin đợt khám, chữa bệnh**

→ **Chẩn đoán xác định khi ra viện**

→ **Kết quả cận lâm sàng, chỉ số theo dõi có giá trị**

→ **Thuốc đã điều trị, đơn đã kê**

→ **Phẫu thuật, thủ thuật đã thực hiện**

→ **Tóm tắt hồ sơ bệnh án, tình trạng người bệnh**

* Thông tin đợt khám, chữa bệnh

| | |
|---|------------------|
| ← Thông tin đợt khám, chữa bệnh | |
| Tên cơ sở KCB nơi đã chuyển người bệnh đi | - |
| Lý do đến khám bệnh, chữa bệnh | - |
| Loại hình khám bệnh, chữa bệnh | - |
| Ngày giờ vào viện, đến khám | 09:36 08-02-2024 |
| Ngày giờ ra viện (kết thúc đợt điều trị) | 10:03 08-02-2024 |
| Kết quả điều trị | - |
| Tình trạng ra viện | - |

→ **Thông tin hành chính**

→ **Chẩn đoán xác định khi ra viện**

→ **Kết quả cận lâm sàng, chỉ số theo dõi có giá trị**

→ **Thuốc đã điều trị, đơn đã kê**

→ **Phẫu thuật, thủ thuật đã thực hiện**

→ **Tóm tắt hồ sơ bệnh án, tình trạng người bệnh**

* Chẩn đoán xác định khi ra viện

← Chẩn đoán xác định khi ra viện

Chẩn đoán xác định khi ra viện

Chẩn đoán xác định khi ra viện

-

Mã bệnh theo ICD-10 M13

Tên bệnh theo ICD-10 Các viêm khớp khác

Ghi chú -

- Thông tin hành chính
- Thông tin đợt khám, chữa bệnh
- **Kết quả cận lâm sàng, chỉ số theo dõi có giá trị**
- Thuốc đã điều trị, đơn đã kê
- Phẫu thuật, thủ thuật đã thực hiện
- Tóm tắt hồ sơ bệnh án, tình trạng người bệnh

* Kết quả cận lâm sàng, chỉ số theo dõi có giá trị

← Kết quả cận lâm sàng, chỉ số theo dõi có giá trị

Chuẩn đoán hình ảnh ▾

Mã dịch vụ
18.0100.0028

Nhóm cận lâm sàng, chỉ số theo dõi
Chụp Xquang khớp vai thẳng

Kết quả
-

Kết luận
-

Ngày giờ thực hiện
09:50 08-02-2024

- Thông tin hành chính
- Thông tin đợt khám, chữa bệnh
- Chẩn đoán xác định khi ra viện
- Thuốc đã điều trị, đơn đã kê
- Phẫu thuật, thủ thuật đã thực hiện
- **Tóm tắt hồ sơ bệnh án, tình trạng người bệnh**

* Thuốc đã điều trị, đơn đã kê

| ← Thuốc đã điều trị, đơn đã kê | |
|--|-----|
| Simelox | ▼ |
| Hàm lượng | - |
| Đơn vị tính | Gói |
| Đường dùng | - |
| Số lượng | 20 |
| Liều dùng | - |
| Cách dùng | - |
| Jiracek | > |
| MYCEMOL | > |
| Amrfen 200 | > |
| → Thông tin hành chính | |
| → Thông tin đợt khám, chữa bệnh | |
| → Chẩn đoán xác định khi ra viện | |
| → Kết quả cận lâm sàng, chỉ số theo dõi có giá trị | |
| → Phẫu thuật, thủ thuật đã thực hiện | |
| → Tóm tắt hồ sơ bệnh án, tình trạng người bệnh | |

Lưu ý

Tùy theo từng trường hợp ca bệnh cụ thể và chỉ định điều trị của Bác sĩ, nên có thể sẽ không có thông tin hiển thị đầy đủ tại tất cả các trường thông tin:

- * Kết quả cận lâm sàng, chỉ số theo dõi có giá trị
- * Phẫu thuật, thủ thuật đã thực hiện
- * Tóm tắt hồ sơ bệnh án, tình trạng người bệnh

Toàn bộ thông tin sẽ được đồng bộ, hiển thị trên Sổ sức khỏe điện tử sau khi kết thúc đợt khám chữa bệnh từ 48 giờ – 72 giờ.

Hiện tại, thông tin Sổ sức khỏe điện tử đang được Bộ Y tế triển khai thí điểm nên chỉ áp dụng cho Công dân đến khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế có chức năng khám chữa bệnh (KCB) bảo hiểm y tế.

Trường hợp Công dân đến KCB tại các Bệnh viện, Phòng khám tư nhân...không có chức năng KCB bảo hiểm y tế thì các thông tin KCB sẽ không hiển thị trên Sổ sức khỏe điện tử.